

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2469 /CTTGI-QLN
V/v Công khai danh sách người nộp
thuế đề nghị xóa nợ tiền chậm nộp,
tiền phạt chậm nộp

Tiền Giang, ngày 20 tháng 7 năm 2021

Kính gửi:

- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Tòa Soạn Báo Ấp Bắc;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố Mỹ Tho.

Căn cứ khoản 3 Điều 7 Nghị quyết 94/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội và khoản 3, Điều 16 Thông tư số 69/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 10/5/2021 của UBND tỉnh Tiền Giang về việc tăng cường công tác thu ngân sách nhà nước năm 2021;

Công văn 2978/UBND-KT ngày 15 tháng 6 năm 2021 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về khoanh nợ thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp.

Để đảm bảo công khai, minh bạch trong thực hiện xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp (xóa nợ) theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội. Cục Thuế tỉnh Tiền Giang đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp công khai danh sách 27 NNT được đề nghị xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Tiền Giang; Tòa Soạn Báo Ấp Bắc đăng thông báo của Cục Thuế về nội dung và địa chỉ công khai danh sách 27 NNT được đề nghị xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp liên tiếp trong 03 kỳ phát hành; UBND các huyện, thị xã, thành phố Mỹ Tho hỗ trợ chỉ đạo UBND các phường, xã, Thị trấn niêm yết công khai liên tục trong thời gian 30 ngày tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người nộp thuế đăng ký kinh doanh. (Đính kèm danh sách 27 NNT đề nghị xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đợt 2).

Cục Thuế rất mong nhận được sự phối hợp, hỗ trợ của các ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố Mỹ Tho nhằm giúp đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ khoanh nợ, xóa nợ theo đúng quy định ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Chi cục Thuế;
- P.TTHT;
- Lưu VT,QLN.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Quốc Sơn

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH TIỀN GIANG

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH NGƯỜI NỘP THUẾ ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ XÓA NỢ TIỀN PHẠT CHẬM NỘP, TIỀN CHẬM NỘP (ĐỢT 2)

(Ban hành kèm theo công văn số: 2469 / CTTGI-QLN, Ngày 20 tháng 7 Năm 2021 của Cục Thuế tỉnh Tiền Giang)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Họ và tên	Số giấy tờ cá nhân	Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ	Trong đó (Tiểu mục):					
									4918	4931	4943	4944	4272	4917
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	14	15	16	17
	Tổng cộng:	27						11.844.270.544	549.559.694	9.432.713.541	1.496.510.221	191.011.333	171.818.518	2.657.237
	Doanh nghiệp, tổ chức	27						11.844.270.544	549.559.694	9.432.713.541	1.496.510.221	191.011.333	171.818.518	2.657.237
1	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Nhà Hàng Hai Cù Bắp	1201522960	19 đường 30/4, P1, MT,TG	Võ Huỳnh Minh Luận	310874370	19/07/2014	CA tỉnh TG	10.337.484	0	9.175.084	0	833.400	329.000	0
2	Công ty TNHH Bất động sản Đất Mỹ	1201539481	22 Trần Hưng Đạo, P4, MT,TG					1.692.900	0	0	0	1.692.900	0	0
3	CTy TNHH Thiên Phú	1200532130	353 Ấp Bắc, P5,MT,TG					41.580.977	0	31.903.095	9.677.882	0	0	0
4	Công Ty TNHH Dịch Vụ-Bảo Vệ-Vệ Sĩ Hoàng Sơn-Tiền Giang	1200677954	531A Ấp Bắc, P5, MT, TG					4.884.175	1.228.733	3.258.228	397.214	0	0	0
5	Công Ty TNHH Xây Dựng Duy Lâm	1200565418	994-996A THĐ, P5,MT,TG					348.480.056	32.199.729	203.554.039	99.715.313	1.770.900	11.240.075	0
6	Công ty TNHH TMDV STP 24H	1201533835	213 Nguyễn Thị Thập, P5, MT,TG					410.700	0	0	0	410.700	0	0
7	Công ty CP xây dựng Giao Thông Tiền Giang	1200100003	1A Lê Văn Phẩm, P6, MT,TG					1.928.834.067	377.655.301	552.501.118	776.737.536	62.885.533	159.054.579	0
8	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên M2	1201459042	49/6A Lê Thị Hồng Gấm, P6,MT,TG	Trần Thị Tuyết Nga	311980679	31/10/2011	CA tỉnh TG	1.770.900	0	0	0	1.770.900	0	0
9	CTy TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vạn Xuân	1200570961	193/9A Lý Thường Kiệt, P6,MT,TG					590.300	0	0	0	590.300	0	0
10	CTY TNHH Đại Tiến Phát	1200727147	21 Nguyễn Trãi, P7,MT,TG					6.305.939	3.494.907	0	2.811.032	0	0	0
11	CTy TNHH SXTMDV-XD Minh Vũ	1200452968	2/10 Lộ Ma, P8, MT, TG					83.904.972	14.167.200	62.858.625	6.879.147	0	0	0
12	CTy TNHH Sản Xuất & Thương Mại Thiên Đức	1200577004	380, KP5, P9,MT,TG					1.293.275	0	616.260	86.715	590.300	0	0
13	Công Ty TNHH Thương Mại Minh Thiện	1201002305	5/A2 Ấp Bắc, P10, MT,TG					47.311.365	18.616.820	28.694.545	0	0	0	0
14	CTy TNHH SX & TM Tân Mỹ	1200335076	Ấp Bình Tạo, xã Trung An, MT,TG					149.522.671	0	17.121.863	14.340.808	118.060.000	0	0
15	CTy TNHH Tấn Thành	1200527211	44 ấp 8, xã Trung An, MT,TG					16.474.246	16.474.246	0	0	0	0	0
16	Công ty TNHH Xây dựng An Bình	1200599738	99 Nguyễn Công Bình, xã Trung An, MT, TG					310.185	50.735	0	0	108.600	150.850	0

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Họ và tên	Số giấy tờ cá nhân	Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ	Trong đó (Tiểu mục):					
									4918	4931	4943	4944	4272	4917
17	CTY TNHH Một Thành Viên Minh Anh	1200717050	Ấp 5, xã Trung An, TP MT, TG	Nguyễn Quốc Chí	24728911	21/05/2008	CA HCM	9.198.007	2.087.693	6.815.164	0	295.150	0	0
18	Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Đông	1201418938	15A ấp Bình Tạo, xã Trung An,MT,TG					1.180.600	0	0	0	1.180.600	0	0
19	Công ty TNHH MTV Địa Ốc An Phát	1201615573	290 Ngõ Gia Tự, ấp Bình Tạo A, xã Trung An,MT,TG	Nguyễn Trung Tín	25239157	21/01/2010	CA HCM	231.750	0	0	0	231.750	0	0
20	CTy TNHH Một Thành Viên Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ úc Việt	1200690916	236C Nguyễn Trung Trục, Mỹ Thạnh, Mỹ Phong, MT, TG	Phạm Thị Ngọc Lành	L3537233	21/05/2002	Australia	138.731.715	57.678.476	77.012.823	4.040.416	0	0	0
21	CTy TNHH Xây Lắp Điện Cơ Thành Lộc	1200540276	326B Long Hòa A, xã Đạo Thạnh,MT,TG					2.700.878	0	2.700.878	0	0	0	0
22	CTy TNHH Thương Mại-Dịch Vụ Thiên Lộc	1200568176	144, ấp 4, xã Đạo Thạnh, MT,TG					1.229.931	0	562.112	77.519	590.300	0	0
23	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thành Phát	1200252292	ấp Tân Thuận, xã Bình Đức, H, Châu Thành, TG					4.450.124.242	0	4.299.576.819	150.547.423	0	0	0
24	XNTD Hiệp Thành	1200224880	ấp Mỹ Hòa, xã Mỹ Hạnh Trung, TX Cai Lậy,TG	Lê Thị Bánh	310756612	18/08/1985	CA tỉnh TG	983.410.605	2.951.500	951.451.019	29.008.086	0	0	0
25	Công Ty TNHH Một Thành Viên Huyền Trinh	1201059728	ấp 3, xã Tân Bình, Thị xã Cai Lậy, TG	Trần Thị Diệu Huyền	310341031	18/03/2009	CA tỉnh TG	1.711.333.748	10.273.994	1.593.357.297	107.702.457	0	0	0
26	DNTN Hiệp Lợi	1200226101	Ấp Quí Thạnh, xã Tân Hội, TX Cai Lậy,TG	Trần Văn Út	310937615		CA tỉnh TG	789.604.267	12.680.360	714.272.998	62.650.909	0	0	0
27	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tấn Ngọc	1201110607	Tỉnh lộ 871, KP2, Thị trấn Vàm Láng, H GCD,TG					1.112.820.589	0	877.281.574	231.837.764	0	1.044.014	2.657.237

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Bùi Thị Tuyết

Nguyễn Quốc Sơn